

BÁO CÁO
Đánh giá kết quả chuyển đổi số năm 2025
và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026

Phần A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

1. Khái quát chung về đặc điểm, tình hình xã Trường Tân sau sáp nhập mô hình chính quyền 2 cấp, tác động đến việc triển khai công nghệ số.

1.1 Xã Trường Tân được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Phạm Trấn là 5,61 km², quy mô dân số là 6.576 người; toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,84 km², quy mô dân số là 12.177 người của xã Nhật Quang; một phần lớn diện tích tự nhiên là 0,45 km², quy mô dân số là 0 người của xã Thống Kênh; một phần diện tích tự nhiên là 0,14 km², quy mô dân số là 0 người của xã Đoàn Thượng và một phần diện tích tự nhiên là 9,46 km² và quy mô dân số là 12.983 người của xã Quang Đức và một phần diện tích tự nhiên là 0,02 km², quy mô dân số là 0 người của Thị trấn Thanh Miện để bố trí lại đơn vị hành chính, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Sau khi sắp xếp xã Trường Tân có diện tích tự nhiên là 24,56 km² và quy mô dân số là 31.736 người.

1.2 UBND xã Trường Tân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương gồm: 03 phòng chuyên môn, 01 Trung tâm phục vụ hành chính công 16 đơn vị sự nghiệp (trong đó có 10 đơn vị trường học; 01 Trung tâm Văn hoá Thể thao và Truyền thông). Bộ máy tổ chức, cơ cấu chức năng nhiệm vụ thực hiện theo Hiến pháp và Luật tổ chức chính quyền địa phương.

2. Thuận lợi, khó khăn

2.1 Thuận lợi

Xã được quan tâm chỉ đạo của UBND thành phố, các sở, ngành của thành phố; sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Đảng ủy; sự phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị liên quan. Kinh tế phát triển, an ninh chính trị, trật tự an toàn được quan tâm. Trung ương, thành phố quan tâm, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Được thụ hưởng hạn tầng CNTT từ gia đoạn sáp nhập; bước đầu hình thành nền tảng phục vụ số hoá hồ

sơ thủ tục hành chính. Đội ngũ, cán bộ chuyên viên có nhận thức ngày càng cao về chuyển đổi số, một số đồng chí đã được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công nghệ thông tin. Người dân, nhất là thế hệ trẻ, có nhu cầu tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số phục vụ đời sống sản xuất kinh doanh.

Đội ngũ cán bộ, công chức xã cơ bản trẻ tuổi nên việc tiếp cận công nghệ thông tin, những vấn đề mới nhanh và dễ dàng.

Trang thiết bị phục vụ công tác cơ bản được trang bị đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu của số hóa dữ liệu, chuyển đổi số. Số máy vi tính được kết nối mạng Internet, mạng LAN cơ bản kết nối, vận hành ổn định, thông suốt đến cổng dịch vụ công thành phố và cổng dịch vụ công quốc gia.

HĐND-UBND xã, công tác chuẩn bị về bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức xã được thực hiện đúng quy trình, hướng dẫn của cấp trên, tạo sự đồng thuận đoàn kết nhất trí cao; đội ngũ cán bộ công chức bố trí phù hợp với chuyên môn, vị trí việc làm.

2.2. Khó khăn

Sau sắp xếp, tổ chức bộ máy được tinh gọn, đội ngũ cán bộ, công chức giảm đi đáng kể, trong khi đó, không gian của xã mới rộng hơn, dân số lớn hơn, vì vậy, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động quản lý nhà nước, nhất là trong lĩnh vực quản lý đất đai, an ninh trật tự... Cơ sở hạ tầng nông thôn còn hạn chế; việc huy động các nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội...

Tuy nhiên, hạ tầng mạng viễn thông, internet, mạng LAN chưa đồng bộ, nhiều thôn chưa có đường truyền ổn định, tốc độ thấp; ít cán bộ chuyên trách về CNTT; chuyên viên, viên chức kiêm nhiệm còn hạn chế về kỹ năng số, dẫn đến khó khăn trong vận hành hệ thống; một số đơn vị sự nghiệp, trường học còn thiếu thiết bị số, máy tính cấu hình thấp, không đồng bộ, ảnh hưởng đến tiên bộ số hóa dữ liệu; người dân còn hạn chế về trình độ CNTT, chưa quen sử dụng.

3. Tình hình thực hiện mục tiêu năm 2025

Tập trung vào phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, với các chỉ tiêu cụ thể như hoàn thành 100% các cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm được kết nối, chia sẻ.

- Phát triển Chính phủ số: Nâng cao hiệu quả và hiệu lực hoạt động, 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp được kết nối, tích hợp trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Phát triển kinh tế số: Tăng cường năng lực cạnh tranh và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, với mục tiêu năng suất lao động tăng tối thiểu 8% (theo kế hoạch của một số thành phố).

- Phát triển xã hội số: Thu hẹp khoảng cách số, nâng cao kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp.

- 100% Thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức DVCTT mức độ 4.

- 100% Người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- 100% Cơ quan nhà nước cấp bộ, tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- 100% Hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất

- 80% Hồ sơ công việc tại xã được xử lý trên phần mềm quản lý văn bản HPnet (trừ HSCV thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các bộ, ngành, địa phương.

a. Kết quả đạt được:

Từ ngày 01/7/ 2025 đến nay, trên cơ sở kế thừa những kết quả đạt được của 03 đơn vị hành chính cũ (*xã Nhật Quang, xã Quang Đức và xã Phạm Trán*). Ủy ban nhân dân xã Trường Tân đã xây dựng và ban hành văn bản¹ triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Thường xuyên tuyên truyền chính quyền số cho người dân, doanh nghiệp và cán bộ, chuyên viên, viên chức và người lao động trên địa bàn xã. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, thực hiện Đề án 06 của Chính phủ và thực hiện Luật Căn cước, định danh và xác thực điện tử, lấy ý kiến sửa đổi Hiến pháp trên VNeID.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai ra quân tổ công nghệ số cộng đồng xã và các thôn đã hỗ trợ hướng dẫn người dân mở tài khoản dịch vụ công trực tuyến quốc gia và đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số” tại Cuộc thi "Công dân số Hải Phòng – sử dụng thông minh, sống an toàn" năm 2025 tại trang <https://onetouch.mic.gov.vn/khoa-hoc/cuoc-thi-cong-dan-so-hai-phong-su-dung-thong-minh-song-an-toan-nam-2025>. Cuộc thi diễn ra từ ngày 11/10/2025 đến hết ngày 11/11/2025 trên toàn xã có 6.305 thí sinh đăng ký tham gia, có 4.724 thí sinh hoàn thành bài thi xếp thứ xếp thứ 09/114 xã, phường, đặc khu.

b) Tồn tại, hạn chế:

Sau sắp xếp, tổ chức bộ máy được tinh gọn, đội ngũ cán bộ, chuyên viên giảm đi đáng kể, trong khi đó, không gian của xã mới rộng hơn, dân số lớn hơn, vì vậy, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động quản lý nhà nước, nhất là trong lĩnh vực quản lý đất đai, an ninh trật tự...Cơ sở hạ tầng nông thôn còn hạn chế; việc huy động các nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội...

Tuy nhiên, hạ tầng mạng viễn thông, internet, mạng LAN chưa đồng bộ, nhiều thôn chưa có đường truyền ổn định, tốc độ thấp; ít cán bộ chuyên trách về CNTT; chuyên viên, viên chức kiêm nhiệm còn hạn chế về kỹ năng số, dẫn đến khó khăn trong vận hành hệ thống; một số đơn vị sự nghiệp, trường học còn thiếu thiết bị số, máy tính cấu hình thấp, không đồng bộ, ảnh hưởng đến tiến bộ số hoá dữ liệu; người dân còn hạn chế về trình độ CNTT, chưa quen sử dụng.

Sau sắp xếp, tổ chức bộ máy được tinh gọn, đội ngũ cán bộ, chuyên viên giảm đi đáng kể, trong khi đó, không gian của xã mới rộng hơn, dân số lớn hơn, vì vậy, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động quản lý nhà nước, nhất là trong lĩnh vực quản lý đất đai, an ninh trật tự...Cơ sở hạ tầng nông thôn còn hạn chế; việc huy động các nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội...

Tuy nhiên, hạ tầng mạng viễn thông, internet, mạng LAN chưa đồng bộ, nhiều thôn chưa có đường truyền ổn định, tốc độ thấp; ít cán bộ chuyên trách về CNTT; chuyên viên, viên chức kiêm nhiệm còn hạn chế về kỹ năng số, dẫn đến khó khăn trong vận hành hệ thống; một số đơn vị sự nghiệp, trường học còn thiếu thiết bị số, máy tính cấu hình thấp, không đồng bộ, ảnh hưởng đến tiến bộ số hoá dữ liệu; người dân còn hạn chế về trình độ CNTT, chưa quen sử dụng.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Sau khi có công văn và kế hoạch triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố Hải Phòng, UBND xã đã tham mưu với Đảng uỷ và ra Quyết định, kế hoạch, báo cáo..., cụ thể như sau:

- Quyết định số 27/QĐ- ĐU ngày 01/7/2025 của Đảng uỷ xã về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại xã Trường Tân.

- Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND xã về việc Thành lập tổ triển khai công nghệ số Cộng đồng xã Trường Tân và các Quyết định thành lập tổ công nghệ số tại các thôn.

- Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 32/8/2025 của UBND xã về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cải cách hành chính và Đề án 06/CP xã Trường Tân.

- Kế hoạch số 04 – KH/ĐU ngày 16/7/2025 của Đảng uỷ xã Phạm Trần về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Trường Tân.

- Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 06/8/2025 của UBND xã về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Trường Tân.

- Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã về Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước xã Trường Tân 06 tháng cuối năm 2025.

- Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 25/8/2025 của UBND xã về việc Tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030 trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 07/10/2025 của UBND xã về việc Tập huấn đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, chuyên viên, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng, các doanh nghiệp, các thôn trên địa bàn xã Trường Tân năm 2025.

- Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 07/10/2025 của UBND xã về việc triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã Trường Tân.

- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 14/10/2025 của UBND xã về việc Thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục gắn với triển khai Đề án 06 năm học 2025-2026 của UBND xã Trường Tân.

- Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 15/10/2025 của UBND xã về việc Triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn xã Trường Tân.

- Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 03/9/2025 của UBND xã về việc ệ về việc triển khai Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 26/8/2025 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố Hải Phòng.

- Công văn số 561/KH-UBND ngày 05/10/2025 của UBND xã về việc xây dựng dự toán ngân sách cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số năm 2026.

- Công văn số 670/KH-UBND ngày 21/10/2025 của UBND xã về việc tham gia ý kiến dự thảo triển khai thực hiện Thông báo số 06-TB/CQTTBCĐ của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Công văn số 717/KH-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã về việc triển khai thực hiện Thông báo số 552/TB-VPCP ngày 13/10/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Phiên 4).

- Báo cáo số 45/-UBND ngày 25/7/2025 của UBND xã về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết 57-NQ/TW.

- Báo cáo số 60/BC-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã về việc triển khai Kế hoạch số 479-KH/TU ngày 15/6/2025 của Thành uỷ thực hiện nghị quyết số 57-NQ/TU và các thông báo kết luận của Ban chỉ đạo Trung ương.

b) Tồn tại, hạn chế:

Công tác hoàn thiện thể chế số còn tồn tại nhiều hạn chế như thiếu chiến lược và lộ trình rõ ràng, thiếu nguồn lực tài chính và đầu tư, hạn chế về năng lực công nghệ và nhân sự, và sự chậm trễ trong việc thay đổi tư duy, văn hóa.

- Thiếu chiến lược và lộ trình chuyển đổi số rõ ràng, có thể dẫn đến việc thực hiện phân mảnh và không đồng bộ.

- Ngân sách dành cho chuyển đổi số còn hạn chế, chi phí đầu tư ban đầu cao là một rào cản lớn.

- Hạn chế về năng lực công nghệ và thiếu hụt nhân sự có kỹ năng phù hợp, đặc biệt là ở các tổ chức, doanh nghiệp truyền thống.

- Khó khăn trong việc thay đổi tư duy cũ, thay đổi thói quen làm việc đã tồn tại lâu năm, và xây dựng văn hóa doanh nghiệp phù hợp với môi trường số.

- Hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) cũ kỹ, lạc hậu, khó khăn trong việc tích hợp với các công nghệ mới, gây cản trở cho quá trình chuyển đổi.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

Tập trung vào việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, với sự tham gia của các cơ quan từ Trung ương tới địa phương để thể chế hoá chủ trương, chính sách, tăng cường tuyên truyền, giám sát và bố trí nguồn nhân lực.

Công tác quán triệt các chỉ thị, nghị quyết về phát triển khoa học, công nghệ (KH-CN) và đổi mới sáng tạo tập trung vào việc phổ biến, triển khai các văn bản quan trọng như Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH-CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Hoạt động này nhằm nâng cao nhận thức, xác định rõ mục tiêu và nhiệm vụ, cũng như huy động nguồn lực để biến các chủ trương thành hành động cụ thể, đưa KH-CN trở thành động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Phổ biến Nghị quyết 57-NQ/TW: Tổ chức các hội nghị để quán triệt sâu rộng nội dung, tinh thần của Nghị quyết 57-NQ/TW, xác định KH-CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá hàng đầu.

- Nâng cao nhận thức: Giúp cán bộ, đảng viên, chuyên viên, viên chức và nhân dân hiểu rõ vai trò của KH-CN, đổi mới sáng tạo trong việc xây dựng lực lượng sản xuất hiện đại và phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng chương trình hành động: Sau khi quán triệt, các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức cần xây dựng chương trình hành động cụ thể, phù hợp với đặc thù của từng địa phương, ngành để triển khai thực hiện nghị quyết.

- Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể: Tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

- Phối hợp liên ngành: Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đoàn thể và các tổ chức liên quan để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong công tác phát triển KH-CN.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

- Số cán bộ, chuyên viên, viên chức: 69/69.
- Số máy tính (máy để bàn/máy tính xách tay): 69.
- Số máy in: 69.
- Số máy photocopy: 01.
- Số máy scan: 06.

Tập trung triển khai phủ rộng mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng tạo môi trường thuận lợi trong công tác chuyển đổi số, tăng cường phổ cập, khuyến khích người dân sử dụng dữ liệu di động tốc độ cao 4G và sử dụng thiết bị di động thông minh; Trên địa bàn xã hiện nay có 03 đơn vị cung cấp dịch vụ Viễn thông Internet cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng gồm VNPT, Viettel, Mobifone. Toàn xã có 12 trạm phát sóng mạng thông tin di động (BTS), trong đó: VNPT 05 trạm, Viettel 07 trạm. 100% các thôn, khu dân cư trên địa bàn các xã đã được phủ sóng di động 4G.

- Về hạ tầng mạng được kết nối thông suốt: UBND xã đã hoàn thành việc nâng cấp đường truyền Internet đảm bảo việc truy cập, kết nối liên thông, thông suốt không bị gián đoạn đáp ứng yêu cầu vận hành công việc. Bảo đảm nguồn cung năng lượng điện ổn định, hiệu quả và bền vững.

- Trang thiết bị CNTT phục vụ chuyên môn được bổ sung, nâng cấp, gồm: máy tính, máy in, máy scan, máy photo, thiết bị lưu trữ dữ liệu.

- Tại Trung tâm Hành chính công được trang bị 9 máy vi tính, 9 máy in, 02 máy scan, 09 thiết bị hiển thị, 08 thiết bị đánh giá sự hài lòng của công dân, 01 thiết bị lấy

số tự động, 01 màn hình lớn hiển thị tại khu vực công dân ngồi chờ hỗ trợ tiếp nhận TTHC và số hóa giấy tờ cho người dân được lắp đặt tại bộ phận tiếp nhận. Bố trí 06 camera và 02 màn hình hiển thị đảm bảo an ninh tại Trung tâm. Tại vị trí hướng dẫn công dân đây DVC trực tuyến xã đã bố trí 02 bộ máy tính được lắp đặt để công dân có thể tự thao tác đây DVC trực tuyến dưới sự hỗ trợ của nhân viên trung tâm.

- 100 % cán bộ, chuyên viên xã được bố trí đầy đủ máy tính và máy in. Văn phòng HĐND-UBND được bố trí máy photo để phục vụ công việc các phòng chuyên môn.

- Hạ tầng Hội nghị trực tuyến xã: UBND đã tiến hành lắp đặt và triển khai hệ thống họp, tập huấn trực tuyến từ Trung ương đến địa phương; phần mềm họp trực tuyến (VNPT Meeting) đảm bảo việc kết nối và tổ chức các cuộc họp trực tuyến của Trung ương, thành phố được thông suốt, màn hình trực tuyến từ 60 đến 100 inch với độ phân giải cao, âm thanh đồng bộ.

- Công trụ sở trung tâm Đảng ủy- UBND xã được trang bị 01 màn hình LED ma trận hiện đại, diện tích 6 m2.

- Xây dựng hệ thống camera giám sát tại các vị trí trọng điểm và tòa nhà hành chính.

- Thực hiện rà soát, thu hồi Chứng thư số, USB token đối với cán bộ, chuyên viên trong diện nghỉ thôi việc, nghỉ hưu. Rà soát danh sách cán bộ sau sắp xếp, phân công công việc đề nghị thay đổi thông tin chứng thư chữ ký số và cấp mới chứng thư chữ ký số đối với những trường hợp cấp lần đầu và bị thất lạc để đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả trong xử lý công việc và giải quyết thủ tục hành chính. UBND xã đã lập danh sách đề nghị cấp mới chữ ký số (*qua Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ*) cho các phòng ban và một số cá nhân chưa có chữ ký số hoặc thay đổi thông tin.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ người dân số hóa hồ sơ và nộp hồ sơ trực tuyến tại Trung tâm phục vụ hành chính công của xã, với sự hỗ trợ của cán bộ Trung tâm và hướng dẫn cán bộ, lực lượng thanh niên tình nguyện của địa phương.

- Thành lập và duy trì hoạt động hiệu quả của các “Tổ công nghệ số cộng đồng”, “Đội hỗ trợ phản ứng nhanh” để thực hiện “cầm tay chỉ việc”, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc kịp thời cho cán bộ và người dân tại cơ sở khi đến giao dịch tại Trung tâm PVHCC.

- Hệ thống mạng đi đường riêng đạt tốc độ tải dữ liệu 500mb/s, có hệ thống đường truyền riêng, Wifi miễn phí cho công dân. Vận hành Cổng thông tin điện tử xã Trường Tân (<http://truongtan.haiphong.gov.vn>) ngay từ ngày đầu sáp nhập xã. Đây là kênh thông tin điện tử chính thống của Đảng bộ, chính quyền đưa tin kịp thời, hiệu quả về các hoạt động tại địa phương; Thực hiện việc đăng tải thông tin, công khai thông tin về các hoạt động chính trị- kinh tế- xã hội trên Cổng thông tin đúng theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

b) Tồn tại, hạn chế:

Thiếu đồng bộ, xuống cấp ở một số khu vực, đặc biệt là các thôn, cùng với các thách thức về chi phí đầu tư ban đầu, thiếu nhân lực chất lượng cao và vấn đề an ninh mạng. Ngoài ra, việc tích hợp với hệ thống cũ, sự kháng cự từ nội bộ và khó khăn trong quản lý dữ liệu lớn cũng là những hạn chế phổ biến.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

Công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực là quá trình lập kế hoạch và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao kỹ năng, kiến thức, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và tương lai của nhân sự, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức. Mục đích bao gồm tăng chuyên nghiệp, khả năng thích ứng, sự sáng tạo của người lao động và kết nối họ với doanh nghiệp.

UBND xã đã lập kế hoạch và thực hiện đào tạo lớp “Khai thác, ứng dụng AI - Trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác hành chính” cho trên 200 cán bộ, chuyên viên, viên chức và tổ công nghệ số công đồng vào ngày 21/11/2025 và lớp triển khai sử dụng VneID đăng ký và sử dụng dịch vụ công quốc gia về chuyển đổi số cho trên 250 cán bộ, chuyên viên, viên chức, tổ công nghệ số công đồng, người dân và doanh nghiệp vào ngày 28/11/2025. Với mục đích:

- Nâng cao kỹ năng, kiến thức, khả năng thích ứng, phát huy sự sáng tạo và tạo sự chuyên nghiệp.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng yêu cầu công việc và chuẩn bị cho sự thay đổi trong tương lai.
- Cập nhật chương trình theo chuẩn quốc tế, tích hợp các nội dung mới như trí tuệ nhân tạo, khởi nghiệp.
- Sử dụng công nghệ thông tin để số hóa tài liệu, tạo điều kiện học tập mọi lúc mọi nơi.
- Mở rộng chương trình đào tạo, hỗ trợ giảng nâng cao trình độ và thu hút học sinh, người dân và doanh nghiệp.

b) Tồn tại, hạn chế:

Chất lượng đào tạo không đồng đều, thiếu kỹ năng mềm và kỹ năng số chuyên sâu, thiếu nguồn nhân lực an toàn thông tin, thiếu sự gắn kết giữa đào tạo và thực tế, và cạnh tranh nhân lực khốc liệt. Các thách thức khác bao gồm sự ngại thay đổi về nhận thức, hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ và vấn đề bảo mật dữ liệu.

- Nguồn nhân lực chuyên sâu về an toàn thông tin đang rất thiếu.
- Thiếu hiểu biết toàn diện về công cụ và giải pháp kỹ thuật số, cần được đào tạo liên tục.

- Hoạt động nghiên cứu, giảng dạy chưa bám sát thực tế, ít kết quả khoa học được thương mại hóa.
- Kinh phí cấp cho chuyển đổi số còn hạn chế.
- Hoạt động đào tạo và nghiên cứu còn khó khăn trong việc thu hút nhân lực chất lượng cao.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

- UBND xã chỉ đạo triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về giải quyết hành chính trên môi trường điện tử, cụ thể: Thống kê rà soát thủ tục hành chính có quy định phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác để thực hiện trực tuyến rà soát, đánh giá thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu xây dựng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc toàn trình; thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần; triển khai việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm chỉ tiêu được giao và thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính (gồm cả phí, lệ phí) trên cổng dịch vụ công quốc gia.

- UBND xã đã lập danh sách cho 12 cán bộ đăng ký kết nối cơ sở quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết dịch vụ hành chính với Sở Khoa học công nghệ thành phố.

- Tạo lập cơ sở dữ liệu về văn bản điều hành, lịch công tác, quản lý tiến độ xử lý hồ sơ tại UBND xã.

- Bố trí đầy đủ 100% máy tính cho cán bộ, chuyên viên, viên chức để thực hiện cập nhật khai thác CSDL dân cư, khai thác dữ liệu số khi cần.

- Dữ liệu người dùng đã nhập trước đó tái sử dụng hiện nay: Tại TTHC xã đã triển khai việc tái sử dụng khi công dân đến giao dịch thủ tục hành chính lần 2 và 3.

- Đề phòng rủi ro mất an toàn thông tin, UBND xã đã xây dựng quy trình sao lưu, kiểm tra, bảo vệ dữ liệu định kỳ.

- UBND xã đã triển khai kết nối, khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, đáp ứng chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương. Phối hợp với các cơ quan cấp trên về chuẩn hóa, liên thông, cập nhật dữ liệu.

- Đề nghị Sở Khoa học và công nghệ cấp mã định danh điện tử và cấu hình cho các cơ quan cấp 2 và cấp 3 trực thuộc UBND xã.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Không có lộ trình và kế hoạch cụ thể để thực hiện chuyển đổi số.
- Thiếu kinh phí đầu tư ban đầu cao.
- Gặp khó khăn trong việc thay đổi tư duy và văn hóa làm việc của doanh nghiệp.

- Hạn chế về trình độ công nghệ và kỹ năng của chuyên viên.
- Các hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) cũ, lỗi thời, khó tích hợp với các công nghệ mới.
- Một phần điện thoại của người dân cấu hình thấp không cài được app.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

Công tác đảm bảo an toàn mạng và an ninh thông tin tại UBND xã luôn được đảm bảo, 68/68 máy tính máy tính kết nối Internet được trang bị phần mềm diệt Virus 30/68 bản quyền (cơ bản do các phòng, cơ quan tự mua và đảm bảo), số phần mềm chống mã độc tập trung hiện còn một số máy của một số cá nhân sử dụng vẫn đang sử dụng. Trong năm 2025 không có tình trạng làm mất, lộ lọt bí mật Nhà nước hoặc sai phạm phải xử lý về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Các cuộc tấn công mạng vào hệ thống thông tin, bao gồm các vụ tấn công nhắm vào hệ thống quan trọng, vẫn diễn ra và gia tăng về số lượng, mức độ phức tạp.
- Môi đe dọa đến từ bên trong mạng nội bộ (mạng LAN) của các tổ chức, doanh nghiệp là rất nghiêm trọng và khó bị phát hiện bằng các phương pháp thông thường.
- Nguồn nhân lực giám sát an toàn mạng còn thiếu, chưa phủ rộng hết các đơn vị.
- Trình độ và kỹ năng về an toàn thông tin của người dùng tại các cơ quan, doanh nghiệp chưa đồng đều, dễ tạo ra lỗ hổng để tội phạm mạng khai thác.
- Chi phí để xây dựng và duy trì hệ thống giám sát an toàn mạng chuyên nghiệp là rất lớn, bao gồm cả chi phí phần cứng và nhân lực chuyên gia.
- Không phải tổ chức nào cũng có thể đáp ứng được các yêu cầu này.
- Số lượng chuyên gia an toàn mạng còn hạn chế, không đủ đáp ứng nhu cầu giám sát trên diện rộng.
- Chi phí cho hệ thống giám sát an toàn mạng (phần cứng, phần mềm, chuyên gia) là một rào cản lớn đối với nhiều tổ chức.
- Việc triển khai các biện pháp giám sát, phát hiện và ứng cứu sự cố còn gặp khó khăn do hạ tầng công nghệ thông tin và quy trình chưa được chuẩn hóa.
- Mức độ nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin của người dùng cuối còn hạn chế, dẫn đến nguy cơ cao bị lừa đảo, tấn công kỹ thuật xã hội

7. Chính quyền số

Đánh giá các nội dung về cung cấp DVC trực tuyến; phát triển các nền tảng, ứng dụng phục vụ quản trị, điều hành nâng cao năng lực, quản trị, điều hành, năng lực thực thi; ứng dụng, triển khai trí tuệ nhân tạo, ...

a) Kết quả đạt được:

Công tác đảm bảo an toàn mạng và an ninh thông tin tại UBND xã luôn được đảm bảo Hệ thống DVC trực tuyến tại nhà Văn hoá trung tâm xã và phòng họp gác 3 luôn được đảm bảo kết nối thông suốt với trung tâm thành phố.

Nâng cao hiệu quả hoạt động, giúp bộ máy nhà nước vận hành nhanh chóng, minh bạch, giảm thiểu thủ tục hành chính rườm rà. Các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4, giải quyết thủ tục hoàn toàn qua môi trường mạng, giảm chi phí, tăng tính tương tác và nhanh nhạy trong cung ứng dịch vụ cho người dân và doanh nghiệp.

Tính đến ngày 01/11/2025, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã tiếp đón 5.905 công dân, tiếp nhận 5.710 hồ sơ, trong đó có 5.251 hồ sơ trực tuyến chiếm tỉ lệ 92%, 418 hồ sơ trực tiếp. Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết trước hạn, đúng hạn: 98 % (5.597 hồ sơ), Tỷ lệ hồ sơ đang giải quyết trong hạn 0,98 % (56 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ TTHC trả lại, tạm dừng trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố và Cổng Dịch vụ công quốc gia là 0.51% (29 hồ sơ). Thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố có phát sinh hồ sơ: 170 hồ sơ.

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận theo kỳ báo cáo trong tháng, lũy kế (số lượng, tỷ lệ trực tuyến) của bộ, ngành, tỉnh, xã. Trong đó: số lượng hồ sơ trực tuyến toàn trình, một phần, trực tiếp, tỷ lệ.

Trong thời gian trên, trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC có 13 hồ sơ quá hạn, tuy nhiên trên thực tế đã trả kết quả cho người dân trước hạn, nguyên nhân do phần mềm lỗi không truy cập được, TTHC đã tham mưu UBND xã ban hành Thư xin lỗi thực hiện việc xin lỗi tổ chức, cá nhân khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC.

+ Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC

Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết bản điện tử: 100%

Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và số hóa hồ sơ: 100%

Kết quả số hóa bảo đảm các quy định dữ liệu điện tử và ký số: 100%

Khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa: 3.143 hồ sơ, chiếm tỉ lệ 55,04%.

+ Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị

Trong thời gian vừa qua, Trung tâm tiếp nhận 01 Phản ánh kiến nghị về nội dung thuộc lĩnh vực văn hóa xã hội, Trung tâm đã trả lời kèm văn bản trên cổng dịch vụ công đúng hạn và được công dân đánh giá rất hài lòng trên cổng DVC quốc gia.

+ Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Số DVCTT toàn trình phát sinh hồ sơ: 65, tổng số hồ sơ DVCTT Toàn trình: 1.230. Tiếp nhận trực tuyến 943 hồ sơ, trực tiếp 257 hồ sơ.

Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 21,54%

Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: 98 %.

+ Thực hiện thanh toán trực tuyến

Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 100 %

Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 96,8% (3.905/4.034 hồ sơ)

- Việc cung cấp DVCTT liên quan đến doanh nghiệp đạt tỷ lệ % (mục tiêu 100% đến hết năm 2025).

+ Thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến doanh nghiệp sẽ được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình, theo mục tiêu của Chính phủ. Mục tiêu này cũng bao gồm việc phấn đấu đạt ít nhất 80% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến.

+ Tỷ lệ mục tiêu: 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

+ Mục tiêu xử lý hồ sơ: Ít nhất 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến.

+ Định hướng: Cung cấp dịch vụ công trực tuyến thông suốt, liền mạch, hiệu quả, minh bạch và giảm thiểu giấy tờ.

- Bộ máy chính quyền vận hành nhanh chóng, minh bạch hơn, giảm thiểu các thủ tục giấy tờ và chi phí hành chính nhờ ứng dụng công nghệ thông tin.

- Đảm bảo cung ứng 100% dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4, tức là các thủ tục hành chính sẽ hoàn toàn được thực hiện trên môi trường mạng.

- Người dân và doanh nghiệp có thể tương tác nhanh chóng và thuận tiện hơn với chính quyền thông qua các nền tảng số.

- Chính quyền số là quá trình tái cấu trúc lại hoạt động của bộ máy nhà nước dựa trên dữ liệu và công nghệ số, không chỉ đơn thuần là số hóa giấy tờ.

- Cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình và cập nhật đầy đủ các thủ tục hành chính của xã; công khai toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Tự động hóa các quy trình, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí vận hành.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhanh chóng, tiện lợi, minh bạch hơn, giúp công dân dễ dàng tiếp cận thông tin và dịch vụ công.

- Tạo môi trường thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển các ứng dụng, dịch vụ mới, giúp giải quyết các vấn đề xã hội hiệu quả hơn.
- Thu thập, phân tích dữ liệu lớn để đưa ra các quyết định chính sách dựa trên bằng chứng, chính xác và kịp thời.
- Sự chênh lệch về khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ số giữa các nhóm dân cư, vùng miền, có thể dẫn đến bất bình đẳng trong việc tiếp cận dịch vụ công.
- Nguy cơ về an ninh mạng, bảo mật dữ liệu cá nhân, thông tin nhạy cảm của công dân và tổ chức khi chuyển đổi số.
- Sự phụ thuộc quá mức vào công nghệ có thể gây ra rủi ro nếu hệ thống bị gián đoạn, lỗi kỹ thuật, hoặc không được bảo trì thường xuyên.
- Đôi khi, năng lực số của cán bộ, chuyên viên còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của việc vận hành và quản lý chính quyền số.
- Mặc dù đã được cải thiện nhưng hạ tầng công nghệ thông tin tại nhiều nơi vẫn còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển

8. Kinh tế số và Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND xã về việc Thành lập tổ triển khai công nghệ số Cộng đồng xã Trường Tân và các Quyết định thành lập tổ công nghệ số tại các thôn, Tổ phản ứng nhanh, Tổ ứng cứu với tổng số 5 thành viên/tổ.
- Triển khai hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng, Tổ phản ứng nhanh, .. như: quyết định thành lập tổ, đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số hình thành văn hóa số.
- Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số.
- Việc triển khai các nền tảng dùng chung phục vụ các dịch vụ thiết yếu của người dân: y tế, giáo dục, giải trí, ...

a. Số liệu chung

Stt	Nội dung	Số liệu
1	Số lượng thôn/ khu dân cư trên địa bàn	24
2	Số lượng Tổ CNSCĐ cấp thôn/khu dân cư	24
3	Số lượng thành viên Tổ CNSCĐ cấp thôn/khu dân cư	120
4	Nhóm zalo của Tổ CNSCĐ xã Trường Tân, Tổ phản ứng nhanh xã Trường Tân	150

b. Số liệu thống kê (tính từ 01/01/2025 đến thời điểm báo cáo)

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
1	Tổng số hộ gia đình trên địa bàn	Hộ gia đình	9.417
2	Số buổi hội nghị, tập huấn, hướng dẫn thành viên của Tổ	Buổi	2
3	Số buổi hướng dẫn và người dân sử dụng kỹ năng số	Buổi	2
4	Số thành viên của Tổ được tập huấn	Người	120
5	Số người dân được hướng dẫn	Người	380
6	Số lượng sản phẩm OCOP của địa phương (ghi rõ tên các sản phẩm)	Sản phẩm	7 (Bắp cải Tân Minh Đức, Dưa leo Tân Minh Đức, Cà chua Tân Minh Đức, Dưa lưới Inthanon, Dưa thon vân lưới Tân Minh Đức, Giò Chả Vân Tránh, Cá Rô đồng kho tiêu)
7	Số lượng sản phẩm OCOP của địa phương được đưa lên sàn TMĐT	Sản phẩm	7 (Bắp cải Tân Minh Đức, Dưa leo Tân Minh Đức, Cà chua Tân Minh Đức, Dưa lưới Inthanon, Dưa thon vân lưới Tân Minh Đức, Giò Chả Vân Tránh, Cá Rô đồng kho tiêu)

b) Tồn tại, hạn chế:

Sự gia tăng khoảng cách số, vấn đề về an ninh mạng, rủi ro về quyền riêng tư, tác động đến việc làm truyền thống và thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao. Các vấn đề này đòi hỏi các giải pháp đồng bộ từ chính phủ, doanh nghiệp và xã hội để đảm bảo sự phát triển cân bằng và bền vững.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số**9.1. Ngày Chuyển đổi số****a) Kết quả đạt được:**

Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số trong Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) nhằm nâng cao nhận thức, khẳng định vai trò và lợi ích của chuyển đổi số, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của toàn dân. Các hoạt động chính bao gồm truyền thông đa kênh (báo chí, mạng xã hội, cổ động trực quan, video), tổ chức các sự kiện như "Ngày hội toàn dân học tập số" và chiến dịch "Đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân" để phổ biến kỹ năng số và hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số.

*** Mục tiêu chính của công tác tuyên truyền, truyền thông:**

- Giúp người dân hiểu rõ chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ mà còn là sự thay đổi căn bản về tư duy, cách sống, cách làm việc.
- Khẳng định quyết tâm của Đảng, Nhà nước, và tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.
- Khuyến khích sự chung tay của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và người dân vào công cuộc chuyển đổi số.

*** Các hình thức tuyên truyền, truyền thông phổ biến:**

Sử dụng cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, hệ thống thông tin cơ sở, xây dựng tin bài, phóng

Tổ chức "Ngày hội toàn dân học tập số," "Ngày Chuyển đổi số quốc gia," các buổi hội nghị, tập huấn, lễ phát động phong trào.

- Triển khai các chiến dịch như "Đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân" để hướng dẫn kỹ năng số và sử dụng dịch vụ số trực tiếp cho người dân.
- Sử dụng các khẩu hiệu ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với chủ đề từng năm (ví dụ: "Chuyển đổi số 2025 – Nhanh hơn, hiệu quả hơn, gần dân hơn").

b) Tồn tại, hạn chế:

- Hoạt động tuyên truyền thường thiếu một chiến lược dài hạn, nhất quán, dẫn đến tình trạng thiếu trọng tâm và hiệu quả thấp.
- Ngân sách dành cho công tác truyền thông chuyển đổi số còn hạn chế, chưa đủ để triển khai các chiến dịch quy mô lớn và chuyên nghiệp.
- Việc thiếu hụt đội ngũ nhân lực có chuyên môn sâu về công nghệ số và kỹ năng truyền thông là một rào cản lớn.
- Nội dung tuyên truyền đôi khi còn khô khan, mang tính lý thuyết cao, chưa phù hợp với từng đối tượng cụ thể, dẫn đến khó thu hút sự chú ý của người dân và doanh nghiệp.
- Sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong công tác truyền thông còn chưa chặt chẽ, dẫn đến thông điệp bị phân mảnh và thiếu sức lan tỏa.
- Các hoạt động thường tập trung vào dịp Ngày chuyển đổi số quốc gia hoặc các sự kiện lớn, thiếu sự duy trì và đẩy mạnh xuyên suốt năm, chưa tạo được hiệu ứng lan tỏa bền vững.
- Truyền thông đôi khi chỉ dừng lại ở việc thông báo, mà chưa giải quyết được những thách thức cốt lõi như thay đổi tư duy, thay đổi thói quen của con người, như đã đề cập ở Công Chuyển đổi số xã.

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cán bộ, chuyên viên và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế; đề cao trách nhiệm, hành động của từng cán bộ, đảng viên đối với ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng Chính quyền điện tử.

- Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về phát triển, ứng dụng CNTT; phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về an toàn thông tin trong cán bộ, chuyên viên và trong cộng đồng, xã hội

- Đẩy mạnh việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trực tuyến; cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

- Quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản về chuyển đổi số, tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin;

- Gắn kết vai trò, trách nhiệm chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính xã hội đối với nhiệm vụ chuyển đổi số;

- Đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành về chuyển đổi số một cách đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trong hoạt động của cơ quan .

- Nâng cấp hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin để triển khai tập trung đồng bộ các ứng dụng, phần mềm.

- Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong việc phát triển chính quyền số, xã hội số, kinh tế số; xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số hàng năm.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng, chuyển đổi số trên địa bàn xã.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Hoạch định chiến lược hời hợt, không có mục tiêu cụ thể.

- Khó khăn trong việc xác định kết quả và lợi ích rõ ràng khi đầu tư.

- Đặc biệt là các startup và SME, có nguồn tài chính hạn chế để đầu tư vào hạ tầng, phần mềm, đào tạo nhân sự.

- Bao gồm chi phí cho hạ tầng, hệ thống, an ninh mạng và chi phí đào tạo nhân viên thích ứng với công nghệ mới.

- Nguồn nhân lực thiếu kỹ năng về công nghệ số và phân tích dữ liệu.

- Sự e ngại thay đổi, sợ rủi ro và tâm lý chưa quen thuộc với môi trường số là những rào cản lớn.
- Rào cản trong việc giao tiếp và cộng tác giữa các thành viên trong nhóm.
- Hệ thống công nghệ thông tin lỗi thời khó tích hợp với công nghệ mới.
- Các vấn đề về bảo mật và an toàn dữ liệu ngày càng phức tạp khi chuyển sang môi trường số.

9.3. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Nhằm nâng cao nhận thức về các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số đến tất cả các cán bộ, chuyên viên, người lao động thông qua các cuộc họp Ban chấp hành, giao ban tuần, tháng, sinh hoạt chi bộ,... được 60 cuộc với 1.800 lượt người tham gia. Bên cạnh đó cũng tổ chức tuyên truyền thông qua cổng thông tin điện tử của xã, mạng xã hội (facebook, zalo), tuyên truyền qua tiếp công dân, loa truyền thanh của xã và thôn... trên cổng thông tin điện tử. Chỉ đạo 24 tổ công nghệ số cộng đồng tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp thông qua các buổi sinh hoạt tổ, loa truyền thanh của thôn.

b) Tồn tại, hạn chế:

Một phần điện thoại của người dân cấu hình thấp không cài được app.

10. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chuyển đổi số bao gồm ngân sách nhà nước (cho các cơ quan nhà nước), nguồn đầu tư từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, và các nguồn hợp pháp khác. Tỷ lệ chi cho chuyển đổi số nên được xác định dựa trên chiến lược của đơn vị, với mức trung bình khoảng là 1-2% tổng chi ngân sách hàng năm cho cơ quan nhà nước, trong đó tối thiểu 10% chi cho an toàn thông tin mạng.

Bổ trí từ ngân sách nhà nước theo quy định phân cấp, lồng ghép vào các đề án, chương trình, kế hoạch đã có.

Đối với các cơ quan nhà nước, tỷ lệ chi có thể khoảng 1-2% tổng chi ngân sách hàng năm, tùy thuộc vào mục tiêu đẩy nhanh hay không.

- Mỗi tổ chức, doanh nghiệp cần dành ít nhất 10% mức chi cho chuyển đổi số để chi cho các hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị UBND thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thêm các lớp tập huấn chuyên sâu về Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.
2. Hỗ trợ kinh phí cho địa phương triển khai mô hình KH-CN cấp xã.

3. Tăng cường đầu mối hỗ trợ tư vấn, chuyển giao công nghệ phù hợp điều kiện địa phương.

4. Đề nghị UBND thành phố bố trí cán bộ được đào tạo về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số về xã làm việc để đáp ứng nhiệm vụ hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Có cơ chế thu hút, tuyển dụng cán bộ có chuyên môn về công nghệ thông tin, chế độ đãi ngộ tốt để thu hút nguồn nhân lực chất lượng

5. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, cải cách thủ tục hành chính, tăng cường đầu tư và thúc đẩy hợp tác

Phần B.PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Bám sát các chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND thành phố trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã. Thực hiện Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, các quy định trong công tác chuyển đổi số, tạo môi trường giao dịch thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp qua kênh số, phương thức điện tử. Khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công trực tuyến do cơ quan nhà nước cung cấp qua môi trường mạng.

2. Phát triển chính quyền số

- Duy trì triển khai hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành để theo dõi, giám sát, chỉ đạo, tổng hợp, đôn đốc các nhiệm vụ trong các cơ quan Nhà nước. Đảm bảo 100% văn bản tích hợp chữ ký số của các cơ quan nhà nước được gửi nhận trên hệ thống.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng hệ thống Chữ ký số chuyên dùng và chứng thực điện tử tại các cơ quan, đơn vị đáp ứng nhu cầu gửi, nhận văn bản điện tử, đảm bảo giá trị pháp lý trong giao dịch điện tử, đảm bảo bí mật Nhà nước.

- Khai thác sử dụng các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, như các cơ sở dữ liệu quan trọng về dân cư, đất đai, tài nguyên, môi trường, kinh tế, xã hội, doanh nghiệp...đảm bảo kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu và đáp ứng lộ trình triển khai Chính phủ điện tử.

- Tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ, chuyên viên để phòng, tránh lộ, lọt thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung và dùng riêng tại các cơ quan, đơn vị.

- Nâng cao tỷ lệ hồ sơ, thủ tục hành chính tiếp nhận, xử lý, giải quyết trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp; Đẩy mạnh thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt và thu phí, lệ phí qua hoá đơn điện tử tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết. Hướng dẫn công dân và doanh nghiệp thực hiện các nghĩa vụ tài chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Công Thông tin điện tử của xã đáp ứng yêu cầu tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ. Đảm bảo Trang Thông tin điện tử luôn được cập nhật, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ công tác quản lý và điều hành của chính quyền các cấp; phục vụ người dân và doanh nghiệp. Thành lập Tổ Biên tập và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên để viết tin, bài liên quan đến công tác CCHC, chuyển đổi số.

3. Phát triển kinh tế số, xã hội số

- Triển khai tuyên truyền, phổ biến rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, Trang Thông tin điện tử xã về công tác triển khai Chuyển đổi số trên địa bàn xã. Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân để ứng dụng vào hoạt động sản xuất, giao dịch trực tuyến.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận các nền tảng số để ứng dụng vào sản xuất, hướng dẫn các doanh nghiệp có hướng chuyển đổi số nhằm tiết kiệm nhân công, tăng sản lượng đầu ra...

- Đẩy mạnh phát triển xã hội số, phổ cập dịch vụ Internet bằng thông rộng đến hộ gia đình và phủ sóng di động 4G/5G; khuyến khích doanh nghiệp triển khai nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử.

- Phổ cập kỹ năng số, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại; Phấn đấu mỗi người dân có một danh tính số để tham gia vào các dịch vụ trên môi trường số; mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số, phổ cập thanh toán số, hướng tới mỗi người dân có một chữ ký số cá nhân, mỗi người dân có một phần mềm bảo vệ an toàn thông tin mạng cơ bản, mỗi người dân có kỹ năng số cơ bản.

- Triển khai nền tảng hỗ trợ khám bệnh từ xa; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử; nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế.

4. Hạ tầng số

- Tiếp tục phối hợp triển khai chuyển đổi hạ tầng CNTT các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã sang IPv6; ưu tiên đối với hạ tầng số dùng chung. Đảm bảo 100% cán bộ, CCVC được trang bị máy tính để tương tác trên các nền tảng số dùng chung, bảo đảm an toàn thông tin.

- Phối hợp đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ dân số trưởng thành, hộ gia đình có người có điện thoại thông minh, gia đình có kết nối Internet; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng.

- Từng bước phát triển hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; thực hiện truyền thanh số, truyền thanh IP, phát thanh chủ động.

5. An toàn thông tin mạng

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ an toàn thông tin cho hệ thống mạng tịa UBND xã; phối hợp với các cơ quan chuyên trách về Công nghệ thông tin của thành phố, thực hiện giám sát, thu thập thông tin, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn thông tin và thực hiện khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.

- Triển khai công tác truyền thông nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo đảm an toàn thông tin; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; các biện pháp phòng chống thiên tai, cháy, nổ cho các thiết bị công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, bố trí nhân lực vận hành an toàn thông tin, triển khai các giải pháp phòng, chống mã độc tập trung. 100% máy tính được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung, phần mềm giám sát an ninh mạng.

- Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ kỹ thuật; đảm bảo tỷ lệ chỉ cho công tác bảo đảm an toàn thông tin; Hướng dẫn cho người dân về sử dụng an toàn ứng dụng CNTT; chống lừa đảo trên mạng.

6. Nhân lực số

- Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số xã; triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng, tập trung phổ cập người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nâng cao kỹ năng số.

- Bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, chuyên viên, viên chức thuộc phạm vi quản lý để thực hiện nhiệm vụ.

- Phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về nội dung, mô hình chuyển đổi số.

- Triển khai tập huấn kỹ năng số cho người dân, người lao động.

7. Truyền thông về chuyển đổi số

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về Chương trình chuyển đổi số để mọi cán bộ, chuyên viên, viên chức và người dân nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, tự giác tham gia chuyển đổi số. Chú trọng triển khai các hình thức tuyên truyền đã mang lại hiệu quả thiết thực để người dân dễ hiểu, dễ nhớ, dễ nắm bắt và dễ làm theo.

- Chủ động phát hiện, tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về Chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân ở chính ngay trên địa bàn để tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

- Phát huy tính chủ động và đặc thù địa phương trên kênh Chuyển đổi số của thành phố, xã để mở rộng sức ảnh hưởng, cung cấp thông tin và kỹ năng số cho cộng đồng; tổ chức truyền thông trên Zalo, Fanpage, website để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

*** Nhiệm vụ:**

1. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo Chiến lược đã đề ra; nâng cao hiệu quả mô hình đã triển khai.

2. Mở rộng ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, dịch vụ công, chính quyền điện tử và sản xuất kinh doanh.

3. Tăng cường phối hợp với các đơn vị chuyên môn của Sở ngành thuộc thành phố và các trường, doanh nghiệp cung cấp khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật đặc biệt ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp địa phương.

4. Cần tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, chuyên viên, viên chức hiện có, đồng thời tuyển dụng, bổ sung thêm nhân sự chuyên trách. Ưu tiên xây dựng đội ngũ cán bộ, chuyên viên, viên chức có chuyên môn sâu về chuyển đổi số để làm nòng cốt cho các hoạt động chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

5. Mở rộng quy mô chuyển đổi số trên diện rộng, với nhu cầu về nhân lực chuyên trách tăng lên đáng kể. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng làm chủ các công nghệ mới, như Trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn.

6. Đề xuất bố trí kinh phí phù hợp để hỗ trợ phát triển KH-CN ở cơ sở.

Trên đây là Báo cáo đánh giá kết quả chuyển đổi số năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 trên địa bàn xã Trường Tân./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, VHXXH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phùng Danh Âu